

Bản án số: 16 /2019/DS-PT.

Ngày 12/3/2019.

“V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BG BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các thẩm phán: Ông Bạch Đăng Thi.

Bà Phạm Thị Minh Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân Tỉnh BG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh BG: Ông Nguyễn Đức Sơn- Kiểm sát viên.

Ngày 20/02/2019 và ngày 12/3/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tỉnh BG xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số:124/2018/TLPT-DS ngày 19/12/2018 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2018/DS-ST ngày 19/10/2018 của Tòa án nhân dân Huyện YT có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐ-PT ngày 30/01/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH một thành viên LNYT

Do ông Hoàng Văn Ch - Giám đốc đại diện theo pháp luật

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn N - Trưởng phòng kỹ thuật (Có mặt)

Địa chỉ: Phố Đề Năm, TT GC, Huyện YT, Tỉnh BG

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Ng, sinh năm 1984

Địa chỉ: Bản KĐ, Xã CN, Huyện YT, Tỉnh BG.

Đại diện theo ủy quyền của Chị Ng: bà Nguyễn Thị Ch1, sinh năm 1953 (Có mặt)

Địa chỉ: Bản Chay, Xã CN, Huyện YT, Tỉnh BG.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

4.1. Ông Lê Văn L1, sinh năm 1981 (Có mặt)

4.2. Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1948 (Vắng mặt)

4.3. Bà Vũ Thị L2, sinh năm 1951 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Bản KĐ, Xã CN, Huyện YT, Tỉnh BG.

4.4. UBND xã CN, Huyện YT, do ông Sầm Bá T- Chủ tịch UBND xã đại diện. (Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

4.5. Ủy ban nhân dân Huyện YT, Tỉnh BG do ông Nguyễn Văn Q - Phó trưởng Phòng Tài nguyên & Môi trường - Đại diện theo ủy quyền. (Có đơn xin vắng mặt)

4.6. UBND tỉnh BG do ông Ngô Văn X - Phó giám đốc sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh BG - Đại diện theo ủy quyền (Có đơn xin vắng mặt)

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình H- Luật sư văn phòng luật sư Nguyễn Đình H, Đoàn luật sư Tỉnh BG (vắng mặt)

5. Người kháng cáo: Chị Lê Thị Ng - Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

* Nguyên đơn Công ty TNHH một thành viên LNYT trình bày: Công ty TNHH một thành viên LNYT (Công ty LNYT) được UBND Tỉnh BG giao quản lý sử dụng 493,44 ha đất Lâm nghiệp tại đội Lâm nghiệp Đ Y Xã CN. Diện tích đất lâm nghiệp nói trên được Công ty quản lý sử dụng liên tục có hiệu quả từ những năm 1963 cho đến nay. Thế nhưng tại lô đ3 khoảnh 10 Đội ĐY diện tích 1,05 ha đã bị bà Lê Thị Ng chiếm dụng trái phép. Lô đ3 khoảnh 10 có 0,4 ha (theo hồ sơ giao khoán cũ là lô a8 khoảnh 10 diện tích 0,4 ha) trước đây Công ty khoán chu kỳ cho ông Lê Văn Đ (bố chồng bà Nguyệt), hồ sơ thiết kế trồng rừng năm 2009, hợp đồng số 01/2009HĐ ngày 23/3/2009.

Đến tháng 07 năm 2014 Công ty và gia đình ông Lê Văn Đ đã ký thanh lý hợp đồng giao khoán trồng rừng số 01/2009HĐ ngày 23/3/2009 kể trên tại biên bản thanh lý số 127/TLHĐ ngày 30/07/2014. Tuy nhiên sau đó gia đình ông Lê Văn Đ không tổ chức khai thác ngay mà đến tháng 07/2015 mới tiến hành khai thác rừng mặc dù Công ty nhiều lần đôn đốc.

Trong thời gian từ tháng 07/2014 đến tháng 08/2015 Công ty đã tuyên truyền vận động và ưu tiên cho gia đình ông Lê Văn Đ tiếp tục ký hợp đồng trồng rừng khoán chu kỳ tiếp theo với Công ty nhưng gia đình ông Lê Văn Đ từ chối không ký hợp đồng khoán trồng rừng tiếp theo.

Sau khi gia đình ông Lê Văn Đ không ký hợp đồng Công ty LNYT tự tổ chức đầu tư gây rừng tái sinh chồi từ tháng 8/2015. Hồ sơ thiết kế trồng rừng năm 2015 lô đ3 khoảnh 10 diện tích 1,05 ha.

Đến tháng 02/2016 thì rừng gây chồi của Công ty tại lô đ3 khoảnh 10 bị chặt phá (đặc biệt trong dịp tết nguyên đán), Công ty đã tổ chức theo dõi để phát hiện người chặt cây chồi và chiếm đất của Công ty. Đến ngày 14/3/2016 Cán bộ bảo vệ của Công ty đã phát hiện có 12 người do bà Lê Thị Ng (con dâu ông Lê Văn Đ) ở

Bản KĐ Xã CN tổ chức cuộc hồ, trồng cây Bạch đàn chiếm đất của Công ty, cán bộ bảo vệ của Công ty đến tuyên truyền vận động ngăn cản nhưng 12 người vẫn cố tình cuộc hồ để trồng cây. Trước tình hình trên Công ty đã báo cáo với UBND xã CN để giải quyết theo thẩm quyền. UBND xã CN đã cử cán bộ Địa chính xã, công an viên đến hiện trường lập biên bản vi phạm và yêu cầu bà Nguyệt và 12 người dân ngừng ngay việc cuộc hồ trồng cây, giữ nguyên hiện trạng và chỉ được trồng khi đã ký kết hợp đồng với Công ty.

Tuy nhiên, bà Nguyệt không chấp hành và đến chiều ngày 14/3/2016 thì bà Nguyệt và 12 người khác đã trồng và chiếm 1,05 ha đất Lâm nghiệp của Công ty tại lô đ3 khoảnh 10 đội lâm nghiệp Đ Y. Nay Công ty TNHH một thành viên LNYT yêu cầu Tòa án nhân dân Huyện YT giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn là bà Lê Thị Ng.

1. Yêu cầu bà Nguyệt và gia đình di dời toàn bộ số cây Bạch đàn đã trồng trái phép và trả lại đất Lâm nghiệp tại lô đ3 khoảnh 10 diện tích 1,05 ha cho Công ty TNHH một thành viên LNYT. Giá trị đất 32.000.000đồng.

2. Bồi thường thiệt hại do rừng gây chồi Bạch đàn của Công ty tại lô đ3 khoảnh 10 diện tích 1,05 ha bị chặt phá trái phép. Số tiền yêu cầu bồi thường là: 13.257.676 đồng (mười ba triệu hai trăm năm bảy nghìn sáu trăm bảy sáu đồng).

Tại biên bản lấy lời khai và các lời khai tiếp theo bị đơn chị Lê Thị Ng trình bày: Vào năm 1997 nhà nước có dự án trồng rừng Pam. Ông Đ, Bà L2 có ký hợp đồng với công ty Lâm Nghiệp từ năm 1998 - 1999, khi ký Hợp đồng diện tích trồng rừng tại lô đ3 khoảnh 10 Đội ĐY có diện tích là 0,4ha chứ không phải là 1,05ha như công ty khởi kiện.

Năm 2001 chị có cùng gia đình chồng, trồng rừng trên diện tích 0,4ha. Năm 2004 gia đình chị thanh lý hợp đồng với công ty. Sau khi khai thác xong cây này mầm là cây chồi mới, gia đình chị là người chăm bón, phát và tu bổ nhưng không có ai có ý kiến gì. Đến khi cây mọc được 5 năm tuổi gia đình chị chặt và khai thác thì công ty Lâm Nghiệp cho người lên không cho gia đình chị khai thác. Gia đình chị có dừng việc khai thác được khoảng mấy hôm thì lại tiếp tục khai thác nốt diện tích rừng chồi còn lại của lô đ3 có diện tích 0,4ha. Diện tích ký trồng rừng ban đầu mà Ông Đ ký với công ty tại lô đ3, khoảnh 10 Đội ĐY có diện tích là 0,4 ha ký từ giai đoạn lần 1 thì các lần sau chưa bao giờ ký lại. Diện tích đất trồng rừng tại lô đ3 khoảnh 10 Đội ĐY diện tích 0,4ha đã thanh lý với công ty từ năm 2004. Đến nay, tại diện tích đất này vẫn do gia đình chị quản lý và sử dụng. Nay phía Công ty yêu cầu gia đình chị trả lại diện tích đất 0,4ha tại lô đ3 khoảnh 10 Đội ĐY chị không đồng ý vì lý do Công ty lấy sản phẩm quá cao, đường đi khó khăn nên gia đình chị không ký tiếp hợp đồng và tiếp tục việc trồng cây.

Lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thể hiện:

- Ông Lê Văn Đ: Ông là bố chồng Chị Ng, ngày 23/3/2009 ông có đơn xin giao khoán đất trồng rừng sản xuất tại lô a8 khoảnh 10 Đội ĐY. Ngày 23/3/2009

ông ký Hợp đồng giao khoán trồng rừng với Công ty Lâm Nghiệp diện tích giao khoán là 0,4ha thuộc lô a8, khoảnh 10 Đội ĐY, mật độ trồng cây 1.600 cây, thời hạn là 08 năm từ ngày 01/4/2009 đến 01/4/2016. Ngày 30/7/2014 ông và công ty có lập biên bản thanh lý hợp đồng giao khoán trồng rừng sản xuất theo chu kỳ. Sau khi thanh lý Hợp đồng ông không làm nữa mà Chị Ng con dâu ông trồng rừng. Chị Ng không ký Hợp đồng với công ty nữa vì công ty thu sản phẩm quá cao. Phía Công ty Lâm nghiệp đòi lại đất ông không đồng ý vì lý do Công ty yêu cầu trả sản phẩm quá cao nay đề nghị Công ty hạ giá sản phẩm xuống thì gia đình ông tiếp tục ký hợp đồng và tiếp tục trồng rừng.

Lời khai của bà Vũ Thị L2: Ngày 23/3/2009 gia đình bà có đơn xin nhận giao khoán đất trồng rừng sản xuất tại lô a8 khoảnh 10 Đ Y. Ngày 23/3/2009 thì Ông Đ ký hợp đồng giao khoán trồng rừng với công ty Lâm Nghiệp tại hợp đồng số 01/2009, diện tích nhận khoán là 0,4ha tại lô a8 khoảnh 10 Đ Y, mật độ trồng cây 1.600 cây, thời hạn là 08 năm từ ngày 01/4/2009 đến 01/4/2016. Ngày 30/7/2014 Ông Đ và công ty có lập biên bản thanh lý hợp đồng giao khoán trồng rừng sản xuất theo chu kỳ. Sau khi thanh lý Hợp đồng bà không làm nữa mà Chị Ng con dâu làm. Đến nay tại diện tích đất này vẫn do Chị Ng đang quản lý và sử dụng. Nay phía Công ty yêu cầu trả lại diện tích đất trồng rừng này và yêu cầu bồi thường cây chồi gia đình bà không đồng ý vì gia đình bà trồng cây thì gia đình bà phải được hưởng còn đất nếu Công ty giảm giá sản phẩm thì sẽ ký hợp đồng tiếp với Công ty.

- Lời khai của anh Lê Văn L1: Anh là chồng của Chị Ng đối với đất trồng rừng phía Công ty lâm nghiệp khởi kiện bố mẹ và vợ anh đã khai đề nghị Tòa án căn cứ vào lời khai của bố mẹ anh và vợ anh giải quyết. Công ty yêu cầu vợ chồng anh trả lại đất anh không đồng ý vì đất này là của anh.

- UBND xã CN trình bày: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Yên Thế được giao đất trồng rừng năm 1963 theo QĐ số 709/TSCB ngày 13/8/1963 và Quyết định số 745/CT ngày 07/8/1993 sau khi được UBND tỉnh giao đất thì phía lâm nghiệp có thực hiện việc giao khoán đất trồng rừng cho các hộ dân trên địa bàn diện tích 493,44ha

Năm 2009 Ông Đ ký hợp đồng giao khoán trồng rừng sản xuất số 01 ngày 23/3/2009 với diện tích giao khoán 0,4 ha thuộc lô a8 khoảnh 10 Đội ĐY Đến năm 2014 Ông Đ có đơn xin thanh lý hợp đồng giao khoán đất rừng ngày 27/7/2014 và sau đó thu hoạch rừng, sau khi thanh lý hợp đồng thì Ông Đ không ký lại Hợp đồng với công ty Lâm Nghiệp nữa. Từ năm 2016 đến nay, vợ chồng Chị Ng tiếp tục trồng cây trên diện tích đất rừng này. Đến thời điểm công ty khởi kiện Chị Ng đã trồng cây bạch đàn và keo khoảng 2 đến 3 năm. Quan điểm của địa phương Chị Ng trồng cây trên đất của công ty Lâm Nghiệp mà không ký hợp đồng là sai quy định, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

- Đại diện theo ủy quyền của UBND Huyện YT: Công ty TNHH một thành viên LNYT tiền thân là Lâm trường Hoàng Hoa Thám, Lâm trường Yên Thế, Công ty LNYT trong quá trình hoạt động mặc dù trải qua nhiều lần sắp xếp, đổi mới mô hình quản lý, tổ chức hoạt động nhưng việc quản lý sử dụng đất của công ty đối với diện tích đất được giao vẫn thường xuyên liên tục và được thể hiện trong các hồ sơ quản lý, sử dụng đất (như các Quyết định của UBND tỉnh về giao đất, phê duyệt kế hoạch, tổ chức sản xuất, phương án chuyển đổi cho Công ty và hệ thống bản đồ, hồ sơ thiết kế trồng rừng, hợp đồng giao khoán của Công ty với các hộ gia đình, cá nhân...). Quan điểm của UBND huyện đề nghị Tòa án căn cứ tài liệu có trong hồ sơ quản lý đất đai của công ty đã được UBND tỉnh Hà Bắc sau là UBND Tỉnh BG giao cho công ty quản lý sử dụng đất qua các thời kỳ cũng như các hợp đồng giao khoán giữa công ty với các hộ dân để xem xét giải quyết đảm bảo quyền lợi của các bên.

- Đại diện theo ủy quyền của UBND Tỉnh BG: Công ty TNHH một thành viên LNYT tiền thân là Lâm trường Hoàng Hoa Thám, trong quá trình hoạt động mặc dù đã trải qua nhiều lần sắp xếp đổi mới mô hình quản lý, tổ chức hoạt động nhưng việc quản lý, sử dụng đất và kinh doanh lâm nghiệp của Công ty TNHH một thành viên LNYT đối với diện tích đất được giao quản lý, sử dụng diễn ra liên tục từ trước đến nay, cụ thể:

Ngày 13/8/1963, Ủy ban hành chính tỉnh Hà Bắc ban hành Quyết định số 709/TCCB về việc thành lập lâm trường Hoàng Hoa Thám (trên cơ sở hợp nhất Hạt Lâm nghiệp Yên Thế và Xí nghiệp Lâm nghiệp Đồng Tiến) trong đó giao đất cho Lâm trường quản lý, sử dụng 15.755ha đất (bao gồm 13.437ha đất lâm nghiệp và 2.318ha đất phi lâm nghiệp); ngày 07/8/1993 Chủ tịch UBND tỉnh Hà Bắc ban hành quyết định số 745/CT về việc giao đất cho LTQDYT để sử dụng vào mục đích lâm nghiệp là 6.585ha (bao gồm đất có rừng là 2.335ha, đất trống đồi núi trọc là 4.052ha, đất khác là 198ha); ngày 07/9/1995 Chủ tịch UBND Tỉnh BG ban hành quyết định số 857/CT về việc phê duyệt quy hoạch và tổ chức sản xuất Lâm Trường TY trong đó giao đất cho Lâm trường quản lý là 4.038ha; ngày 26/6/2002 Chủ tịch UBND Tỉnh BG ban hành quyết định số 1330/CT tổng số diện tích đất lâm trường quản lý là 4.026ha đất thuộc địa bàn 10 xã, thị trấn (bao gồm đất sản xuất nông nghiệp (trồng cây lâu năm) là 771ha; sản xuất lâm nghiệp là 3.143,7ha (đất rừng sản xuất 2.092,1ha, đất rừng phòng hộ 1.008,7ha, rừng đặc dụng 42,9ha); đất phi nông nghiệp 11,3ha). Diện tích trả về địa phương quản lý là 12ha.

Ngày 06/12/2006 UBND Tỉnh BG ban hành quyết định số 1945/QĐ-UBND phê duyệt phương án chuyển đổi Lâm Trường TY thành Công ty LNYT thuê 50 năm cụ thể: Tổng diện tích đất Lâm trường đang quản lý và sử dụng là 4.026ha trong đó diện tích Công ty thuê là 3.297ha, diện tích bàn giao cho địa phương là 729 ha; ngày 08/4/2010 UBND Tỉnh BG ban hành Quyết định số 25/QĐ-UBND về việc thu hồi rừng và đất lâm nghiệp của Công ty LNYT với diện tích thu hồi là

811,5ha bàn giao địa phương quản lý. Diện tích đất còn lại Công ty quản lý là 2.485,5ha.

Thực hiện Công văn số 4043/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 01/11/2011 của Bộ Tài nguyên và môi trường về việc hướng dẫn xác định cắm mốc, đo đạc ranh giới, mốc ranh giới đất nông, lâm trường quốc doanh kết quả đo đạc xác định Công ty TNHH một thành viên LNYT đang thực tế quản lý, sử dụng 2.341ha (*trong đó có diện tích 1,05ha lô đ3, khoảnh 10 - Đội lâm nghiệp Đ Y thuộc thửa đất số 03, tờ bản đồ số 05 của Xã CN với diện tích 574.118,4m²*) và diện tích 246,8ha sau khi rà soát sẽ thực hiện bàn giao cho địa phương quản lý theo quy hoạch pháp luật đất đai.

Sau khi đo đạc xong, Công ty đã tiến hành thiết lập hồ sơ để chuyển giao từ giao đất sang thuê đất trên diện tích là 1837,6ha của 96 thửa đất tại 10 xã thị trấn thuộc Huyện YT trong tổng 2.341ha đang thực tế quản lý sử dụng, tại Quyết định 35/QĐ-UBND ngày 27/01/2015 của UBND Tỉnh BG. Công ty chưa hoàn thiện hồ sơ để chuyển từ giao đất sang thuê đất đối với phần diện tích còn lại khoảng 503ha (Xã CN 480ha và xã Tam Hiệp 22,38ha) do liên quan đến tranh chấp của một số hộ dân (*trong đó có diện tích 1,05ha lô đ3, khoảnh 10 - Đội lâm nghiệp Đ Y thuộc thửa đất số 03, tờ bản đồ số 05 của Xã CN với diện tích 574.118,4m²*).

Mặc dù, qua nhiều lần sắp xếp đổi mới mô hình quản lý và thu hồi đất bàn giao cho địa phương quản lý, sử dụng và thực hiện việc giao khoán trồng rừng cho các hộ gia đình, cá nhân theo quy định, phần diện tích đất tranh chấp với bà Lê Thị Ng ở lô đ3 khoảnh 10 Đội lâm nghiệp Đ Y (theo thiết kế trồng rừng năm 2015) thuộc một phần thửa đất số 3, tờ bản đồ số 5 của Xã CN thuộc quyền quản lý sử dụng của Công ty TNHH một thành viên LNYT được cơ quan có thẩm quyền giao quản lý, sử dụng và thực hiện giao khoán trồng rừng cho các hộ gia đình, cá nhân theo quy định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Căn cứ vào điểm i Điều 3 Hợp đồng giao khoán năm 2009, Luật đất đai, Nghị định 168/2016/NĐ-CP, Điều 490, Điều 492, Điều 493 Bộ luật dân sự 2015, Chị Ng đã lấn chiếm đất của Công ty do vậy yêu cầu Chị Ng trả lại diện tích đất lấn chiếm theo yêu cầu khởi kiện Công ty.

Với nội dung nêu trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2018/DS-ST ngày 19/10/2018 của Tòa án nhân dân Yên Thế đã quyết định:

Áp dụng: Khoản 9 Điều 26; Điều 35; Điều 143, Điều 144; Điều 147, Điều 271, Điều 273; Điều 227; Điều 228; điểm c khoản 1 Điều 192, điểm c, điểm g khoản 1 Điều 217; Điều 203; Điều 166; Điều 170 Luật đất đai; Điều 501, Điều 511 Bộ luật dân sự năm 2005

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; Điều 2 Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị Lê Thị Ng và anh Lê Văn L1 phải khai thác toàn bộ 1.575 cây keo và bạch đàn trên đất trả lại cho Công ty TNHH một thành viên LNYT 12.116,5m² tại lô đ3 khoảnh 10 Đội lâm nghiệp Đ Y thuộc thửa đất số 3 tờ bản đồ 05 Xã CN, diện tích đất có tứ cận như sau:

Phía Tây Nam: Tiếp giáp lô đ1 (ông Lê Văn H1nhận khoán) chiều dài 120,67 m;

Phía Tây Bắc: giáp lô a11 (ông Đoàn Công H2 nhận khoán), lô c 3 (hộ bà Lê Thị Minh) chiều dài 31,06m + 20,62m + 31,06m + 21,26m + 19,73m + 35,47m;

Phía Đông Bắc giáp lô đ1 (hộ ông Lê Văn H1nhận khoán) chiều dài 56,94m + 44,94m;

Phía Đông N tiếp giáp lô đ1 (hộ ông Lê Văn H1nhận khoán) chiều dài 46,62m + 44,55m + 47,51m;

(Có sơ đồ kèm theo bản án)

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện bồi thường thiệt hại rừng gây chồi tại lô đ3 khoảnh 10 trị giá 13.257.676 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 05/11/2018, chị Lê Thị Ng là bị đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Xem xét xác định diện tích 12,116,5m² đất tại lô D3 khoảnh 10 Đ Y thuộc tờ bản đồ số 5 là của gia đình Chị Ng.

Tại phiên Tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH một thành viên LNYT là ông Nguyễn Văn N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị Nguyệt là bị đơn không rút kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Tại phiên tòa cấp phúc thẩm, Công ty không mời người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, Công ty tự mình bảo vệ quyền và lợi ích cho Công ty. Công ty vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Chị Ng và gia đình di dời toàn bộ số cây bạch đàn đã trồng trái phép và trả lại đất lâm nghiệp tại lô đ3 khoảnh 10 diện tích 12.116,5m² thửa đất số 3, tờ bản đồ 05 Xã CN cho Công ty TNHH một thành viên LNYT. Ông Đ nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ông không đồng trả giá trị cây bằng tiền cho gia đình Chị Ng vì Chị Ng tự trồng cây trên đất của Công ty, thì Chị Ng tự di dời và tự chịu trách nhiệm, công ty không có nghĩa vụ phải trả trị giá cây bằng tiền cho gia đình Chị Ng.

Bị đơn là chị Lê Thị Ng và đại diện theo ủy quyền của Bà Ng là bà Nguyễn Thị Ch1 trình bày: Chị giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty vì lý do Công ty lấy sản phẩm quá cao, đường đi khó khăn nên gia đình chị không ký tiếp hợp đồng và tiếp tục việc trồng cây. Nguồn gốc đất

tranh chấp là do bố mẹ chồng chị khai hoang từ năm 1984 đến nay. Gia đình chị cũng như tất cả những người dân trong xã không ai được cấp một loại giấy tờ gì về diện tích đất lâm nghiệp đã khai hoang.

Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân Xã CN trình bày: Phần diện tích đất Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Yên Thế đang khởi kiện là nằm trong địa giới hành chính của Ủy ban nhân dân xã, đã được nhà nước giao cho Công ty TNHH một thành viên LNYT quản lý sử dụng. Đối với phần diện tích đất nhà nước thu hồi và giao cho địa phương quản lý không nằm trong phần diện tích đất các bên có tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh BG phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS xử: Không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị Ng, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Buộc chị Lê Thị Ng và anh Lê Văn L1 phải khai thác toàn bộ 1.575 cây keo và bạch đàn trên đất trả lại cho Công ty TNHH một thành viên LNYT 12.116,5m² tại lô Đ3 khoảnh 10 Đội lâm nghiệp Đ Y thuộc thửa đất số 3 tờ bản đồ số 05 Xã CN.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh luận tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh BG. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn Đ, bà Vũ Thị L2 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Ủy ban nhân dân Huyện YT, UBND tỉnh BG có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Ông Đ, Bà L2, Ủy ban nhân dân Huyện YT, Ủy ban nhân dân Tỉnh BG.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét kháng cáo của chị Lê Thị Ng về việc chị không đồng ý với bản án sơ thẩm và đề nghị xác định diện tích 12,116,5m² đất tại lô D3 khoảnh 10 Đ Y thuộc tờ bản đồ số 5 là của gia đình Chị Ng. Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 13/8/1963, Ủy ban hành chính tỉnh Hà Bắc ban hành Quyết định số 709/TCCB về việc thành lập Lâm trường Hoàng Hoa Thám giao đất cho Lâm trường quản lý, sử dụng 15.755ha đất (bao gồm 13.437ha đất lâm nghiệp và 2.318ha đất phi lâm nghiệp); ngày 07/8/1993 Chủ tịch UBND tỉnh Hà Bắc ban hành quyết định số 745/CT về việc giao đất cho LTQDYT 6.585ha (bao gồm đất có rừng là 2.335ha, đất trống đồi núi trọc là 4.052ha, đất khác là 198ha); ngày 07/9/1995 Chủ tịch UBND Tỉnh BG ban hành quyết định số 857/CT về việc phê duyệt quy hoạch và tổ chức sản xuất Lâm Trường TY trong đó giao đất cho Lâm trường quản lý là 4.038ha; ngày 26/6/2002 Chủ tịch UBND Tỉnh BG ban hành quyết định số

1330/CT tổng số diện tích đất lâm trường quản lý là 4.026ha đất thuộc địa bàn 10 xã, thị trấn (bao gồm đất sản xuất nông nghiệp (trồng cây lâu năm) là 771ha; sản xuất lâm nghiệp là 3.143,7ha (*đất rừng sản xuất 2.092,1ha, đất rừng phòng hộ 1.008,7ha, rừng đặc dụng 42,9ha*); *đất phi nông nghiệp 11,3ha*). Diện tích trả về địa phương quản lý là 12ha. Ngày 06/12/2006 UBND Tỉnh BG ban hành quyết định số 1945/QĐ-UBND phê duyệt phương án chuyển đổi Lâm Trường TY thành Công ty LNYT thuê 50 năm cụ thể: Tổng diện tích đất Lâm trường đang quản lý và sử dụng là 4.026ha trong đó diện tích Công ty thuê là 3.297ha, diện tích bàn giao cho địa phương là 729 ha; Ngày 08/4/2010 UBND Tỉnh BG ban hành Quyết định số 25/QĐ-UBND về việc thu hồi rừng và đất lâm nghiệp của Công ty LNYT với diện tích thu hồi là 811,5ha bàn giao địa phương quản lý. Diện tích đất còn lại Công ty quản lý là 2.485,5ha.

Theo thiết kế trồng rừng năm 1998 thì diện tích đất này được thể hiện tại lô đ và lô e khoảnh 4, ngày 01/01/1998 Công ty ký hợp đồng khoán theo chu kỳ với ông Nguyễn Ngọc Thúc, thời hạn hợp đồng 10 năm tại lô đ, khoảnh 4 diện tích 0,7ha và với ông Nguyễn Ngọc K tại lô e, khoảnh 4 diện tích 0,7ha và được Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Tỉnh BG phê duyệt thiết kế dự toán trồng, chăm sóc rừng trồng kinh tế năm 1998, ngày 08/9/2003 hai bên thanh lý hợp đồng.

Năm 2009 do thay đổi thiết kế trồng lô e khoảnh 4 và lô đ khoảnh 4 thành lô a8 khoảnh 10, ngày 23/3/2009 ông Lê Văn Đ có ký hợp đồng giao khoán đất trồng rừng sản xuất với Công ty LNYT tại lô a8 khoảnh 10 diện tích khi ký là 0,4ha, thời hạn 08 năm, năm 2014 hai bên thanh lý hợp đồng. Theo hồ sơ thiết kế trồng rừng năm 2015 -2016 là lô đ 3 diện tích 1,05ha. Sự khác biệt về số lô do là do thiết kế trồng rừng các năm khác nhau sẽ được đánh số lô lại dẫn đến khác nhau về số lô giữa các hợp đồng trong quá trình ông Thúc, Ông K và Ông Đ ký với Công ty Lâm nghiệp.

Diện tích đất tăng lên hiện nay so với Hợp đồng giao khoán, phía nguyên đơn cho rằng khi ký hợp đồng giao khoán với Ông Đ do hoàn cảnh gia đình Ông Đ khó khăn nên ký giảm diện tích so với thực tế diện tích đất Ông Đ sử dụng. Ông Đ, Chị Ng khẳng định diện tích chị đang trồng cây và tranh chấp với công ty hiện nay vẫn là diện tích đất Ông Đ ký giao khoán năm 2009, trong quá trình sử dụng không có sự lấn chiếm với các hộ liền kề do vậy xác định diện tích đất tranh chấp hiện nay là 12.116,5m².

Từ những căn cứ nêu trên thấy rằng, qua nhiều lần sắp xếp đổi mới mô hình quản lý và thu hồi đất bàn giao cho địa phương quản lý, sử dụng và thực hiện việc giao khoán trồng rừng cho các hộ gia đình, cá nhân theo quy định, phần diện tích đất tranh chấp với chị Lê Thị Ng ở lô đ3 khoảnh 10 Đội lâm nghiệp Đ Y (theo thiết kế trồng rừng năm 2015) thuộc một phần thửa đất số 3, tờ bản đồ số 5 của Xã CN thuộc quyền quản lý sử dụng của Công ty TNHH một thành viên LNYT được cơ quan có thẩm quyền giao quản lý, sử dụng và thực hiện giao khoán trồng rừng cho

các hộ gia đình, cá nhân theo quy định. Do vậy, kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2.2]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của Chị Ng. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Ng được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị Ng. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điều 35; Điều 143, Điều 144; Điều 147, Điều 271, Điều 273; Điều 227; Điều 228; điểm c khoản 1 Điều 192, điểm c, điểm g khoản 1 Điều 217; Điều 203; Điều 166; Điều 170 Luật đất đai; Điều 501, Điều 511 Bộ luật dân sự năm 2005

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; Điều 2 Luật thi hành án dân sự. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị Lê Thị Ng và anh Lê Văn L1 phải khai thác toàn bộ 1.575 cây keo và bạch đàn trên đất trả lại cho Công ty TNHH một thành viên LNYT 12.116,5m² tại lô đ3 khoảnh 10 Đội lâm nghiệp Đ Y thuộc thửa đất số 3 tờ bản đồ 05 Xã CN, diện tích đất có tứ cận như sau:

Phía Tây Nam: Tiếp giáp lô đ1 (ông Lê Văn H1nhận khoán) chiều dài 120,67 m;

Phía Tây Bắc: giáp lô a11 (ông Đoàn Công H2 nhận khoán), lô c 3 (hộ bà Lê Thị Minh) chiều dài 31,06m + 20,62m + 31,06m + 21,26m + 19,73m + 35,47m;

Phía Đông Bắc giáp lô đ1 (hộ ông Lê Văn H1nhận khoán) chiều dài 56,94m + 44,94m;

Phía Đông N tiếp giáp lô đ1 (hộ ông Lê Văn H1nhận khoán) chiều dài 46,62m + 44,55m + 47,51m;

(Có sơ đồ kèm theo bản án)

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện bồi thường thiệt hại rừng gây chồi tại lô đ3 khoảnh 10 trị giá 13.257.676 đồng.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lê Thị Ng, trả lại Công ty TNHH một thành viên LNYT số tiền án phí đã nộp là 1.400.000đồng tại biên lai thu số AA/2012/02356 ngày 13/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện YT.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm cho chị Lê Thị Ng.

- Về tiền chi phí thẩm định, định giá Chị Ng phải chịu 9.400.000đồng tiền chi phí định giá và thẩm định, Công ty TNHH một thành viên LNYT được nhận lại số tiền này khi Chị Ng nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Huyện YT;
- VKSND Tỉnh BG;
- Chi cục THADS Huyện YT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Hà

